

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/HS-ST

Ngày: 06/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khuông Văn Thông

2. Ông Trần Văn Khiêm

3. Ông Ngô Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
ông Ngô Tiến Thụy - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 31/8 và ngày 05,06/9/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2023/TLST-HS ngày 12/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HS đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn D**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 18/01/1985 tại huyện V, tỉnh Bắc Giang;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Tổ dân phố H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ tên bố: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1958

Họ tên mẹ: Lý Thị H1, sinh năm 1966

Vợ: Đào Thị Y, sinh năm 1986;

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011;

Tiền án: Bản án số 319/2012/HSST ngày 30/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy";

phạt bổ sung 05 triệu đồng; chịu án phí HSST 200 nghìn đồng. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành hình phạt bổ sung và án phí.

Nhân thân:

- Bản án số 15/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 24/3/2018 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương.

- Ngày 07/7/2019 có hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác, Đồn Công an Q Công an huyện V, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPVPHC ngày 17/7/2019, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng; đã chấp hành xong ngày 26/8/2019.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 22/11/2022, tạm giam từ ngày 29/11/2022; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Mào Văn Đ**, sinh ngày 26/12/1999 tại huyện T, tỉnh Điện Biên;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên;

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Thái, Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do

Họ tên bố: Mào Văn T1, sinh năm 1976;

Họ tên mẹ: Lò Thị C1, sinh năm 1976;

Gia đình có 03 anh chị em, bản thân là con thứ 3;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Đầu thú, tạm giữ từ ngày 22/11/2022; tạm giam từ ngày 29/11/2022; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: **Điều Chính B**, sinh ngày 04/4/1994 tại huyện T, tỉnh Điện Biên;

Nơi ĐKKHKT: B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên;

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Thái, Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do

Bố: Điều Chính Y1, sinh năm 1973;

Mẹ: Lò Thị P1, sinh năm 1974

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Vợ: Trần Thị H2, sinh năm 1994;

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 01/2021 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện V, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPVPHC ngày 25/01/2021, hình thức phạt tiền 750.000 đồng; đã chấp hành xong ngày 02/02/2021.

Bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 22/11/2022; tạm giam từ ngày 29/11/2022; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D:

+ Luật sư Vũ Bá V – Văn phòng luật sư D - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Địa chỉ: đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Người bào chữa cho bị cáo Mào Văn Đông:

+ Luật sư Nguyễn Đức T2 – Công ty Luật TNHH Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: đường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ Luật sư Trịnh Nam N – Công ty Luật F- Đoàn luật sư Hà Nội (Có mặt)

Địa chỉ: Tòa nhà T, đường M, phường Y, quận C, Hà Nội.

- Người bào chữa cho bị cáo Điều Chính B:

+ Luật sư Võ Thị An B – Văn phòng luật sư H - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Đào Thị Y, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Trần Thị M, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Lê Thị T, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Q, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

4. Lò Thị V, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên

*** Người làm chứng; người chứng kiến:**

1. Lê Thế H3, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Thân Văn H4, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

4. Hoàng Thị T3, sinh năm 2004. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng số 15/CT-VKS-P1 ngày 10/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Hồi 7 giờ 00 phút ngày 22/11/2022, tại đoạn đường khu vực trước cửa cây xăng K thuộc thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, tổ công tác thuộc phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Giang phối hợp với tổ 1266 Công an tỉnh Điện Biên phát hiện một nam thanh niên vừa nhận 01 hộp bìa cát tông từ xe khách tuyến Điện Biên- Bắc Giang có dấu hiệu nghi vấn về tội phạm ma túy nên tiến hành kiểm tra. Nam thanh niên khai tên là Điều Chính B, sinh năm 1994 ở B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; bên trong kiện hàng có chứa chất ma túy, B nhận giúp cho Nguyễn Văn D ở tổ dân phố H, thị trấn N, huyện Vi và Mào Văn Đ là người cùng quê với B (cùng ở nhà D) đem về nhà cho D, được D hứa trả công 05 triệu đồng.

Vật chứng thu giữ: Điều Chính B đang bê trên tay 01 (một) hộp bìa cát tông bên ngoài dán tờ giấy trắng ghi chữ: “Em Đ1 (người gửi) ĐC: Cầu vượt Q Bắc Giang SĐT: 0359.804.070; chị H5 (người nhận)”.

Mở hộp bìa cát tông trên ra kiểm tra thấy có nhiều loại củ, quả (khoai lang, táo, mướp đắng), để cùng với những đồ vật sau:

- 01 (một) túi nilon màu đỏ bên trong đựng 01 (một) gói nilon màu đen, bên trong là 01 (một) túi nilon màu trắng được hàn kín, bên trong có 01 (một) túi nilon màu vàng in chữ Trung Quốc, bên trong là 01 (một) túi nilon màu trắng được hàn kín đựng các cục tinh thể màu trắng, nghi là ma túy tổng hợp.

- 01 (một) túi nilon màu đỏ, bên trong đựng 01 (một) gói nilon màu đen, bên trong có 02 gói giấy nén màu trắng trên mặt có chữ “A” màu xanh, trong đó:

- + 01 (một) gói giấy nén, bên trong đựng 05 (năm) túi nilon một đầu có rãnh khóa nhựa được quấn lại bằng dây chun nịt, trong đó có: 04 (bốn) túi nilon màu xanh và 01 (một) túi nilon màu hồng, bên trong mỗi túi đều đựng các viên nén màu hồng đỏ và màu xanh, nghi là ma túy tổng hợp.

- + 01 (một) gói giấy nén, bên trong đựng 10 (mười) túi nilon một đầu đều có rãnh khóa nhựa được quấn bằng dây chun nịt, trong đó có: 08 (tám) túi nilon màu xanh và 02 (hai) túi nilon màu hồng, bên trong mỗi túi đều đựng các viên nén màu hồng đỏ và màu xanh, nghi là ma túy tổng hợp.

Tất cả vật chứng nghi là ma túy được cho vào trong 01 hộp bìa cát tông dán kín niêm phong tại chỗ bằng dải giấy niêm phong có dấu của Công an xã V và chữ ký cùng tên của những người tham gia, ký hiệu “QT”. Tổ công tác đưa Điều Chính B về trụ sở Công an xã V, huyện V lập biên bản bắt người phạm tội quả

tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngoài ra, còn thu giữ của Điều Chính B một số đồ vật, tài sản sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng đã qua sử dụng, số Imel: 355415072690010, lắp sim số: 0359804070.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát: 98D1 – 446.17, số máy: LC150FMC-1-A00073104, số khung: LHDX0GZ0X002014.

- 01 (một) hộp bìa cát tông bên ngoài dán tờ giấy trắng ghi chữ: “EM Đ1 (người gửi) Đ/c: CẦU VƯỢT Q BẮC GIANG SĐT: 0359804070 CHỊ H5 (Người nhận)” (BL: 207-212).

Cùng ngày 22/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang đã tiến hành xác minh và thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 tổ dân phố H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Kết quả khám xét, thu giữ những đồ vật, tài sản sau:

- Thu giữ tại phòng ngủ tầng 3:

- + 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 110203001657 mang tên Mào Văn Đ.

- + 01 (một) căn cước công dân số 011099003670 mang tên Mào Văn Đ.

- Thu giữ tại phòng ngủ của vợ chồng D ở tầng 2:

- + Số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

- + 01 (một) sổ hộ khẩu số 040496594 do Nguyễn Văn D đứng tên chủ hộ;

- + 01 (một) chứng minh nhân dân số 121605283 mang tên Nguyễn Văn D;

- + 01 (một) điện thoại hiệu Iphone màu trắng, mặt sau bị rạn vỡ.

- Thu giữ tại phòng ngủ của con D ở tầng 2: 01 (một) điện thoại hiệu Iphone, mặt sau màu đỏ.

- Thu giữ tại phòng ngủ tầng 1:

- + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng;

- + 01 (một) điện thoại Sam Sung màu xanh đen, số Imel 1: 352469855666310.

- Thu giữ tại phòng khách tầng 1: 01 (một) đầu thu Camera an ninh hiệu A.hua.

- Thu giữ trong phòng bếp:

- + 01 (một) cân tiểu ly đặt trên đỉnh tủ;

- + Phát hiện, thu giữ trong cây máy vi tính 01 túi nilon màu đen, bên trong có: 01 (một) cân tiểu ly; 01 túi nilon màu trắng viền màu đỏ, bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng viền màu đỏ bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa viền màu đỏ, bên trong có 01 túi nilon viền màu đỏ bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy.

Vật chứng nghi ma túy được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "KX" (BL: 78-83).

Khám xét khẩn cấp phòng trọ của Điều Chính B tại xóm 5, tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V thu giữ 01 (một) căn cước công dân số 011094008185 mang tên Điều Chính B (BL: 74- 76).

Cơ quan điều tra mời Mào Văn Đ (đang ở nhà Nguyễn Văn D) về trụ sở Công an thị trấn N, huyện V làm việc. Tại đây, Đ khai nhận đang ở cùng nhà Nguyễn Văn D và được D thuê đặt mua ma túy đem về nhà cho D; Đ liên lạc với người tên H3 ở huyện T, tỉnh Điện Biên để mua ma túy và nhờ Điều Chính B nhận ma túy từ xe khách do H3 chuyển từ tỉnh Điện Biên xuống đem về cho D.

Căn cứ lời khai của Điều Chính B và Mào Văn Đ, Cơ quan điều tra tiến hành ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn D để điều tra làm rõ (BL: 176-185).

Tại Kết luận giám định số 2173 ngày 28/11/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Trong 01 (một) hộp bìa cát tông ký hiệu "QT", đã được niêm phong gửi giám định:

- Trong 01 (một) túi nilon màu đỏ, bên trong đựng 01 (một) gói nilon màu đen, bên trong là 01 (một) túi nilon màu trắng, bên trong có 01 (một) túi nilon màu vàng in chữ Trung Quốc: Các cục chất tinh thể màu trắng (đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng được hàn kín) **là ma túy, có tổng khối lượng 1000,970 gam, loại Methamphetamine.**

- Trong 01 (một) túi nilon màu đỏ, bên trong đựng 01 (một) gói nilon màu đen, bên trong có 02 (hai) gói giấy nền màu trắng trên một mặt có chữ "A" màu xanh:

+ Các viên nén hình tròn màu hồng, đỏ và xanh (đựng 05 (năm) túi nilon được quấn lại bằng dây chun nịt, trong đó có 04 (bốn) túi nilon màu xanh và 01 (một) túi nilon màu hồng, một đầu của mỗi túi đều có rãnh khóa nhựa) **đều là ma túy, có tổng khối lượng 92,567 gam, loại Methamphetamine.**

+ Các viên nén hình tròn màu hồng, đỏ và xanh (đựng trong 10 (mười) túi nilon được quấn lại bằng dây chun nịt, trong đó có 08 (tám) túi nilon màu xanh và 02 (hai) túi nilon màu hồng, một đầu của mỗi túi đều có rãnh khóa nhựa) **đều là ma túy, có tổng khối lượng 194,494 gam, loại Methamphetamine.**

2. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "KX" đã được niêm phong gửi giám định:

- Trong 01 (một) túi nilon màu đen:

+ Trong mẫu chứa chất tinh thể màu trắng (đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa và viền màu đỏ) không tìm thấy thành phần ma túy. Khối lượng của mẫu chất tinh thể màu trắng là 81,173 gam.

+ Trong mẫu chứa chất tinh thể màu trắng (đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa viền màu đỏ) không tìm thấy thành phần ma túy. Khối lượng của mẫu chất tinh thể màu trắng là 31,614 gam (BL: 86,87).

Kết quả điều tra, Mào Văn Đ, Điều Chính B khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội như sau:

Năm 2021, Đ đến tỉnh Bắc Giang làm thuê tại cửa hàng bán quần áo của anh V ở thị trấn B, huyện V. Nguyễn Văn D là bạn anh V và thỉnh thoảng đến cửa hàng bán quần áo chơi nên Đ quen biết D và kết bạn với nhau qua ứng dụng Facebook. Cuối năm 2021, V bị Công an bắt do phạm tội về ma túy nên Đ nghỉ về quê.

Khoảng tháng 9/2022, D gọi điện rủ Đ xuống nhà chơi, Đ đến nhà D chơi mấy ngày rồi lại về; sau đó Đ thường xuyên qua lại nhà D, cứ ăn nghỉ tại nhà D mấy ngày lại về nhà ở tỉnh Điện Biên. Quá trình ở nhà D, Đ biết D mua ma túy của người khác ở tỉnh Điện Biên và gửi qua xe chở khách, ma túy được ngụy trang trong kiện hàng; có nhiều lần D thuê Đ đi ra xe khách nhận ma túy đem về cho D và được D trả công 05 triệu đồng/ 01 lần. Ngoài ra, còn có Điều Chính B, sinh năm 1994 là người cùng quê với Đ đang thuê trọ tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V được Đ đưa đến nhà D chơi, sau đó B cũng được D thuê đi ra xe khách nhận ma túy một số lần và được D trả công 05 triệu đồng/ 01 lần.

Khoảng ngày 12/11/2022, Đ cùng bạn gái là Lò Thị V, sinh năm 1998 trú tại xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên đến nhà D chơi và được D bố trí cho ăn, nghỉ tại gia đình (Đ và V ngủ tại phòng ở tầng 3 nhà D). Buổi chiều ngày 19/11/2022, Đ gọi điện cho B đến nhà D ăn cơm. Khoảng gần 17 giờ cùng ngày, B cùng bạn gái là Hoàng Thị T4, sinh năm 2004, trú tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (khi đó đang ở cùng phòng trọ với B) đến nhà D. Trong lúc ăn cơm tối, khi đó có B, Đ và D, Đ nói với B là Đ đang làm "hàng" cho D, B hiểu là Đ giúp D trong việc mua bán chất ma túy. Đ và D nói: Mấy hôm nữa có "hàng" tức ma túy từ trên Điện Biên gửi xuống qua xe chở khách và nhờ B ra nhận hộ, sẽ trả công 05 triệu đồng, B đồng ý. Ăn cơm xong, B và T4 đi về phòng trọ, Đ vẫn ở lại nhà D (BL: 410, 412, 414).

Buổi tối ngày 20/11/2022, D bảo Đ liên hệ hỏi mua cho D 01kg ma túy đá và 15 túi ma túy hồng phiến. Do trước đó Đ quen một người đàn ông tên H3 ở huyện T, tỉnh Điện Biên nhưng không biết địa chỉ và lai lịch cụ thể nhưng biết H3 có ma túy bán. Đ gọi điện thoại cho H3 đặt mua số ma túy như D bảo thì H3 đồng ý và nói khi nào có sẽ gọi lại sau (số điện thoại của Đ là 0364.876.888; số

điện thoại của H3 là 0816.653.796). Khoảng 10 giờ ngày 21/11/2022, H3 gọi điện cho Đ báo đã có lượng ma túy như Đ đặt mua và yêu cầu gửi trước cho H3 120 triệu đồng. Đ báo D đưa tiền để gửi trả tiền mua ma túy, D nói: “bảo chị Y đưa cho” (Y là vợ D). Sau đó, D hỏi vợ là Đào Thị Y xem trong tài khoản đứng tên Y còn bao nhiêu tiền, Y bảo còn 20 triệu đồng. D bảo Y khi nào Đ báo đưa tiền thì chuyển 20 triệu đồng trong tài khoản của Y cho Đ và lấy 90 triệu đồng D chuẩn bị sẵn để trong tủ đựng quần áo đưa cho Đ nhưng không nói mục đích đưa tiền cho Đ để làm gì. Sau khi ăn cơm trưa xong, Đ hỏi chị Y: “anh D bảo gì chị chưa”, chị Y hiểu là Đ báo đưa tiền nên đã chuyển khoản cho Đ 20 triệu đồng qua số tài khoản của bạn gái Đ là Lò Thị V, sau đó chị Y đi lên tầng 2 lấy trong tủ đựng quần áo 90 triệu đồng mà D để ở đó từ trước đưa cho Đ. Do còn thiếu 10 triệu đồng, Đ hỏi vay của V 10.000.000 đồng trong tài khoản rồi chuyển 30.000.000 đồng từ tài khoản của V vào tài khoản của người tên H3. Sau đó Đ mang 90 triệu đồng do Y vừa đưa và cùng V đi ra cửa hàng vàng của bà Trần Thị M ở tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Việt Y nhờ bà M chuyển tiền vào tài khoản của người tên H3 ở tỉnh Điện Biên để trả tiền mua ma túy (BL: 288-298, 301; 307-327; 348, 351, 354, 357, 377).

Buổi chiều ngày 21/12/2022, Đ và H3 nhắn tin với nhau qua ứng dụng Telegram trao đổi việc mua bán ma túy; Đ nhắn số điện thoại 0359.804.070 của Điều Chính B để H3 ghi tên người nhận gửi qua xe khách; H3 gửi hình ảnh thùng hàng đóng trong hộp bìa cát tông ghi số điện thoại của B nhưng ghi tên người nhận là "CHỊ H4" và nhắn số điện thoại của nhà xe B (0915868559) cho Đ (BL: 269-272). Tối ngày 21/11/2022, H3 gọi điện cho Đ thông báo đã gửi thùng hàng có chứa ma túy qua xe khách B chở xuống Bắc Giang cho Đ; sau đó Đ điện cho B thông báo số điện thoại của nhà xe B và dặn sáng hôm sau liên hệ với nhà xe để lấy thùng hàng chứa ma túy từ tỉnh Điện Biên gửi xuống rồi mang vào nhà cho D. Khoảng 7 giờ sáng ngày 22/11/2022, B đi xe mô tô đến khu vực cầu vượt Q, vị trí trước cửa cây xăng K thuộc thôn V, xã V, huyện V để nhận "hàng"; khi B vừa nhận thùng cát tông có chứa ma túy từ nhà xe B thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra dữ liệu hình ảnh đầu thu Camera thu giữ tại gia đình Nguyễn Văn D thấy có một số hình ảnh sau:

+ Ngày 19/11/2022: Lúc 16 giờ 53 phút Điều Chính B cùng bạn gái là Hoàng Thị T3 đến nhà D gặp D, Đ, V; lúc 18 giờ 59 phút thì Đ cùng V, B, T3 rời khỏi nhà D; lúc 19 giờ 51 phút thì Đ và V trở về nhà D.

+ Ngày 21/11/2022: Lúc 11 giờ 33 phút, Đ và V ngồi trước cửa nhà D; Lúc 12 giờ 07 phút, Đ và V bắt đầu di chuyển từ cửa nhà D ra phía cổng, trên tay V

cầm 01 túi nilon, sau đó Đ chở V rời khỏi cổng nhà D bằng xe máy điện màu xanh; đến 12 giờ 22 phút thì Đ và V quay về nhà D (BL: 240-248).

Kết luận giám định số 2266/KL-KTHS ngày 13/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép nội dung hình ảnh trong các file video cần giám định (BL:99-103)

Tiến hành cho Điều Chính B, Mào Văn Đ, Lò Thị V xem các hình ảnh trích xuất từ Camera thì B, Đ và chị V xác định như sau:

+ Ngày 19/11/2022: Lúc 16 giờ 53 phút Điều Chính B cùng bạn gái là Hoàng Thị T3 đến nhà Nguyễn Văn D; B và T3 cùng D, Đ, V đứng và ngồi trước cửa nhà D sau đó vào trong nhà D ăn cơm; lúc 18 giờ 59 phút thì Đ cùng V, B, T3 rời khỏi nhà D đi uống nước; lúc 19 giờ 51 phút thì Đ và V trở về nhà D (BL: 249-251).

+ Ngày 21/11/2022: Lúc 11 giờ 33 phút, Đ và V ngồi trước cửa nhà D chờ chị Y là vợ D đưa tiền, Đ mặc áo màu đen, V mặc áo màu xanh; Lúc 12 giờ 07 phút, Đ và V bắt đầu di chuyển từ cửa nhà D ra phía cổng, trên tay V cầm 01 túi nilon đựng số tiền 90 triệu đồng do Y đưa cho Đ, được Đ nhờ cầm hộ; sau đó Đ chở V rời khỏi cổng nhà D bằng xe máy điện đi ra cửa hàng vàng bạc ở thị trấn N nhờ chuyển trả tiền mua ma túy cho người tên H3 ở tỉnh Điện Biên; đến 12 giờ 22 phút thì Đ và V quay về nhà D (BL: 249, 251)

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh và trích xuất hình ảnh Camera an ninh tại cửa hàng vàng bạc B ở tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, do chị Trần Thị M, sinh năm 1986 ở cùng địa chỉ trên làm chủ. Kết quả xác định có hình ảnh Mào Văn Đ và Lò Thị V đến giao dịch chuyển tiền vào buổi trưa ngày 21/11/2022 (BL: 283-290).

Kiểm tra điện thoại hiệu Iphone 6 màu hồng, lắp sim thuê bao số 0359.804.070 của Điều Chính B và tiến hành thu giữ điện tín đối với số thuê bao điện thoại trên thấy: Tại mục nhật ký cuộc gọi thời gian từ 04 giờ 51 phút 35 giây đến 6 giờ 56 phút, 27 giây có thông tin cuộc gọi đi, cuộc gọi đến với số thuê bao điện thoại 0915.868.559; B khai đây là số điện thoại của nhà xe B, B liên lạc để nhận kiện hàng đựng chất ma túy đem về nhà cho D theo yêu cầu của Mào Văn Đ (BL: 16; 253).

Kiểm tra điện thoại hiệu Iphone màu vàng, lắp sim thuê bao số 0364.876.666 của Mào Văn Đ thấy:

+ Tại mục cuộc gọi Mesenger có thông tin cuộc gọi đi với tài khoản "B" lúc 5 giờ 34 phút 23 giây và cuộc gọi đến lúc 6 giờ 10 phút ngày 22/11/2022;

+ Tại mục tin nhắn đi đến số "A B" lúc 0 giờ 05 phút ngày 22/11/2022 có nội dung: "0915868559 xe B";

+ Tại mục Telegram có nhiều tin nhắn đi, đến với tài khoản "EH" có nhiều nội dung tin nhắn đi, đến liên quan đến việc mua bán ma túy và hình ảnh hộp bìa cát tông bên ngoài dán tờ giấy trắng ghi chữ: “EM Đ3 (người gửi) Đ/c: CẦU VƯỢT Q BẮC GIANG SĐT: 0359804070 CHỊ H4 (Người nhận)” (BL: 259-281).

Tiến hành tra cứu tài khoản số 100872832693 mang tên Đào Thị Y, sinh ngày 06/5/1986, địa chỉ: H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Giang thấy: Thời gian 12:01:33 ngày 21/11/2022 có chuyển số tiền 20 triệu đồng đến tài khoản số 8900215079077 mang tên Lò Thị V, sinh ngày 04/8/1998, địa chỉ: M, T, Điện Biên mở tại Agribank Chi nhánh tỉnh Điện Biên; tài khoản số 8900215079077 mang tên Lò Thị V: Thời gian 12:06:38 ngày 21/11/2022 có chuyển số tiền 30 triệu đồng đến tài khoản số 36010000810665 mang tên Lê Thị T, địa chỉ: Bản Q, xã B, huyện T, tỉnh Điện Biên mở tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Điện Biên; tài khoản số 36010000810665 mang tên Lê Thị T: Thời gian 12:15:22 nhận số tiền 90 triệu đồng từ tài khoản số 0731000874047 mang tên Trần Thị M (BL: 46-54).

* Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS-P1 ngày 10/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Mào Văn Đ, Điều Chính B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điểm b, Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Mào Văn Đ, Điều Chính B khai nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D. Tại phiên tòa ngày 31/8/2023 bị cáo khai Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là sai, bị cáo không mua bán ma túy, cáo trạng truy tố bị cáo là oan. Đề nghị HĐXX minh oan cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ tài liệu đã thu thập được trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo tại bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với Nguyễn Văn D:

+ Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b, Khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; điều 58; Điều 40 BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS phạt bổ sung bằng tiền từ 10 đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với Mào Văn Đ:

+ Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b, Khoản 4 Điều 251; s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; điều 58; Điều 39 BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2022.

+ Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản và thu nhập nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

- Đối với Điều Chính B:

+ Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b, khoản 4 Điều 251; s khoản 1 Điều 51; Điều 17; điều 58; Điều 38 BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2022.

+ Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản và thu nhập nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

*** Về xử lý vật chứng, tài sản:**

+ Vật chứng là ma túy hoàn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành; phong bì ký hiệu “KX” chứa chất hoàn lại sau giám định (không phải là ma túy); hộp bìa cát tông là vật đựng chất ma túy; 02 cân tiểu ly có giá trị không lớn cần tịch thu tiêu hủy.

+ Xe mô tô B sử dụng làm phương tiện phạm tội (B khai xe của D giao cho); điện thoại di động thu giữ của Đ và B sử dụng liên lạc khi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ 02 chiếc điện thoại và số tiền 01 triệu đồng thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo D không liên quan đến hành vi phạm tội; căn cước công dân, giấy phép lái xe là giấy tờ tùy thân của của các bị cáo; đầu thu Camera an ninh thu giữ là tài sản của gia đình bị cáo D nên cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ tiền, điện thoại, đầu thu Camera của bị cáo D để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 02 chiếc USB là chứa dữ liệu sao chép từ Camera an ninh thu giữ tại nhà bị cáo D và từ cửa hàng vàng gia đình chị Trần Thị M, đề nghị HĐXX trích xuất từ Cục Thi hành án dân sự đưa vào hồ sơ vụ án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

- Luật sư T2 trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Mào Văn Đ: Cáo trạng truy tố là đúng. Đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, D là chủ

muu, cầm đầu. Bị cáo Đ vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo đầu thú, có ông ngoại có Huân chương kháng chiến, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS, phạt bị cáo 20 năm tù giam.

- Luật sư N: đồng tình với quan điểm của luật sư T2. Bị cáo đầu thú, khai báo thành khẩn, cụ nội có Huân chương, bị cáo nhận thức hạn chế, chưa hưởng lợi, phạm tội lần đầu, đề nghị HĐXX khoan hồng, phạt bị cáo 20 năm tù.

- Luật sư C bào chữa cho bị cáo D: Tại phiên tòa bị cáo khai cáo trạng truy tố là sai, bị cáo bị oan, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Về tội danh chưa đủ cơ sở kết tội bị cáo, bị cáo chưa bao giờ khai nhận nhờ Đ mua hộ ma túy. Cơ quan điều tra thu điện thoại không thể hiện tin nhắn nhờ Đ mua ma túy. Việc Đ và B khai chỉ nhờ bằng miệng. Về khách quan, Đ và D chỉ trao đổi bằng miệng, trích xuất camera không có căn cứ D nhờ mua ma túy. Qua đó chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên mức hình phạt VKS đề nghị với bị cáo là quá cao.

- Bị cáo D nhất trí không bổ sung gì thêm.

- Luật sư A bào chữa cho bị cáo B: B chỉ tiếp nhận thông tin từ Đ nhận ma túy và hưởng 5.000.000 đồng. Không tham gia vào mua bán, chỉ nhận và vận chuyển ma túy. Vai trò bị cáo thấp nhất. Chỉ thực hiện duy nhất 1 hành vi. Bị cáo là người dân tộc, nhận thức hạn chế. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo. Luật sư nhất trí với VKS không phạt bổ sung tiền.

- Viện kiểm sát đối đáp: Luật sư bị cáo Đ, bị cáo B cơ bản đồng tình với Viện kiểm sát. Đối với bị cáo Đ, Viện kiểm sát đề nghị khung chung thân là đã xem xét giảm nhẹ. Về quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo D: căn cứ vào lời khai của bị cáo B, bị cáo Đ, căn cứ lời khai của chị Y (vợ D) đưa tiền mặt cho Đ và chuyển khoản cho chị V, D lợi dụng sự thiếu hiểu biết, không có việc làm để lợi dụng Đ, B phạm tội. Việc chị Y thay đổi lời khai là không có căn cứ.

- Luật sư C: Không đủ cơ sở để kết luận D phạm tội. Chỉ căn cứ lời khai của Đ, không có căn cứ nào khác. Đề nghị HĐXX xem xét lại tội danh.

- Luật sư N: đề nghị xem xét tổng thể đối với bị cáo Đông.

Trước khi tuyên án ngày 05/9/2023, HĐXX nhận được “Đơn đề nghị” của bị cáo D (có xác nhận của Luật sư) kèm theo giấy chứng nhận thương binh của ông Nguyễn Văn L1 là bố của bị cáo D. HĐXX Quyết định quay lại phần xét hỏi. Kết quả xét hỏi, bị cáo D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân là người nhờ bị cáo Đ mua hộ ma túy cho bị cáo để bán; chị Y (vợ bị cáo D) khai được bị cáo D bảo lấy 90 triệu đồng do D chuẩn bị sẵn để trong tủ đưa cho

Đ và xem tài khoản còn tiền thì chuyển cho Đ 30 triệu nữa nhưng không nói mục đích để làm gì; chị Y lấy tiền đưa cho Đ và chuyển khoản cho Đ 20 triệu qua tài khoản của V là người yêu Đ (thiếu 10 triệu đồng do V ứng ra). Các bị cáo đều xác định Cáo trạng của VKS nêu diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, KSV phát biểu quan điểm luận tội bổ sung, đề nghị HĐXX:

- Đối với Nguyễn Văn D:

+ Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b, Khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; điều 58; Điều 39 BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2022.

+ Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bằng tiền từ 10 đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với Mào Văn Đ, Điều Chính B và các vấn đề khác, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội và đề nghị tại phiên tòa ngày 31/8/2023.

- Luật sư C: Tại phiên tòa ngày 5/9/2023, bị cáo D nhận tội. Về tội danh nhất trí với Viện kiểm sát. Bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn, bố đẻ là thương binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Về hình phạt đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo dưới mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị.

Luật sư N: Viện kiểm sát không đánh giá hết các tình tiết vai trò của bị cáo Đ, bị cáo Đ có 3 tình tiết giảm nhẹ là dân tộc thiểu số, thiếu hiểu biết, bị lợi dụng. Đề nghị của Viện kiểm sát là không công bằng với bị cáo Đ. Đề nghị xử phạt bị cáo Đ mức 20 năm tù.

- Viện kiểm sát đối đáp: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo D đã nhận thức được và khai báo thành khẩn. Do vậy, Viện kiểm sát đề nghị mức án chung thân là đã thể hiện sự khoan hồng.

*** Bị cáo nói lời sau cùng:**

- Bị cáo D: Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho cả 3 bị cáo

- Bị cáo Đ: Đề nghị HĐXX khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho cả 3 bị cáo.

- Bị cáo B: Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho cả 3 bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1, Điều 292 và khoản 1, Điều 293- Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, bản tự khai, biên bản kiểm tra, biên bản khám xét, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định vật chứng, lời khai giữa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận: Buổi tối ngày 20/11/2022 Nguyễn Văn D bảo Đ mua cho D 01kg ma túy đá và 15 túi ma túy hồng phẩn để D bán. Đ đồng ý và liên hệ qua điện thoại với người tên H3 ở tỉnh Điện Biên đặt mua số ma túy trên cho D. Đ nhờ Trần Thị M chuyển 90 triệu đồng và nhờ V chuyển 30 triệu đồng cho người bán ma túy.

Ngày 21/11/2022, Đ trao đổi với Điều Chính B về việc D nhờ mua ma túy về để bán, nhờ B sáng hôm sau đi ra đón xe khách, nhận kiện hàng bên trong chứa chất ma túy đem về cho D. Khoảng 7 giờ sáng ngày 22/11/2022, khi Điều Chính B vừa nhận 01 thùng cát tông, bên trong có chứa **1.288,031 gam ma túy**,

loại Methamphetamine từ xe khách tại khu vực cầu vượt Q, thuộc địa phận thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra vụ án, truy tố và tại phiên tòa ngày 31/8/2023, Điều Chính B và Mào Văn Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; Nguyễn Văn D không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên sau phiên xét xử ngày 31/8/2023, bị cáo D đã suy nghĩ và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tại phiên tòa ngày 05/9/2023, Bị cáo D thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn D, Mào Văn Đ, Điều Chính B đã đủ căn cứ cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Mào Văn Đ, Điều Chính B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án đồng phạm giản đơn không có sự câu kết chặt chẽ, cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng ma túy như Cáo trạng đã kết luận và truy tố.

+ Bị cáo Nguyễn Văn D là người bảo Mào Văn Đ liên hệ mua ma túy, thuê vận chuyển ma túy và liên lạc để bán ma túy, do đó bị cáo có vai trò chính trong vụ án.

+ Bị cáo Mào Văn Đ là người thực hành, làm theo sự chỉ đạo, sắp xếp của bị cáo D nên có vị trí vai trò sau bị cáo Dững.

+ Bị cáo Điều Chính B là người giúp sức, giúp D và Đ nhận ma túy nên có vị trí, vai trò sau cùng.

[5]. Đánh giá tính chất của vụ án:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, bị xã hội lên án. Hành vi của các bị cáo là nguyên nhân kéo theo nhiều tội phạm nguy hiểm khác như nghiện hút, trộm cắp tài sản, cướp tài sản,... làm ảnh hưởng kinh tế. Là căn nguyên của căn bệnh thể kỷ HIV/AIDS... là nguyên nhân lớn ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, an toàn trật tự công cộng của xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm

hình sự, do vậy, cần xử phạt nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[6]. Về căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nhân thân của các bị cáo:

+ Bị cáo Nguyễn Văn D có tiền án, tại Bản án số 319/2012/HSST ngày 31/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy và phạt bổ sung 5.000.000 đồng, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí. Bản án số 15/2017/HSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 24/3/2018 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. Ngày 07/7/2019 bị cáo D có hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác, Đồn Công an Q Công an huyện V, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPVPHC ngày 17/7/2019, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng; đã chấp hành xong ngày 26/8/2019.

+ Bị cáo Điều Chính B có nhân thân xấu: Tháng 01/2021 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện V, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPVPHC ngày 25/01/2021, hình thức phạt tiền 750.000 đồng; đã chấp hành xong ngày 02/02/2021.

+ Bị cáo Mào Văn Đ có nhân thân tốt.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Mào Văn Đ, Điều Chính B không phải chịu tình tiết nào theo quy định tại khoản 1, Điều 52- Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm) quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Mào Văn Đ đầu thú; quá trình điều tra Mào Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông nội là Mào Văn K được UBND tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông ngoại là Lò Minh H5 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì và Huy chương “Cựu chiến binh Việt Nam”. Do vậy, bị cáo Mào Văn Đ được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Quá trình điều tra , truy tố, xét xử bị cáo Điều Chính B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông nội là Điều Chính N2 được thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, có ông ngoại là Lò Văn C1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng 3. Do vậy, bị cáo Điều Chính B được áp dụng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Bị cáo Nguyễn Văn D quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31/8/2023 bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa ngày 05/9/2023, bị cáo đã có đơn và thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu là đúng, bị cáo có bố đẻ Nguyễn Văn L1 là thương binh loại A. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn D được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Từ những phân tích trên, đánh giá về nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo mua bán số lượng ma túy lớn, nếu không kịp thời phát hiện và ngăn chặn, lượng ma túy này sẽ gây hậu quả khôn lường cho xã hội. Đối với bị cáo Nguyễn Văn D có vai trò chính, chỉ đạo, điều hành, có tiền án về tội phạm ma túy. Do đó cần bắt bị cáo phải cách ly xã hội không thời hạn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới tương xứng với tội lỗi mà bị cáo gây ra và đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy.

Đối với bị cáo Mào Văn Đ, Điều Chính B giúp sức, làm thuê thực hiện trao đổi, đặt mua ma túy, chuyển tiền, vận chuyển, xét các bị cáo tuổi đời còn trẻ, là người dân tộc thiểu số sống ở miền núi, điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ thấp, nhận thức hạn chế. Bị cáo Đ đầu thú, có nhân thân tốt. Sau khi phạm tội cả hai bị cáo có thái độ hợp tác với cơ quan điều tra, khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội, gia đình có công được tặng thưởng huân huy chương. Xét cần mở lượng khoan hồng, xử phạt hai bị cáo mức đầu khung hình phạt, cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Mào Văn Đ tù chung thân là có phần nghiêm khắc.

[7]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Nguyễn Văn D mua bán trái phép chất ma túy có tính chất vụ lợi, do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo Mào Văn Đ, Điều Chính B không có việc làm, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

[8] Các vấn đề khác:

Kết quả điều tra xác định anh Lê Thế H3, sinh năm 1981, trú tại tổ 1, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên là người phụ xe cho nhà xe B đã nhận vận chuyển kiện hàng có chứa chất ma túy từ tỉnh Điện Biên đến tỉnh Bắc Giang giao cho Điều Chính B, anh H3 không biết bên trong kiện hàng chứa chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ (BL: 227, 228).

Về nguồn gốc số ma túy: Người gửi kiện hàng bên trong chứa chất ma túy từ tỉnh Điện Biên về tỉnh Bắc Giang do Điều Chính B nhận đã sử dụng số điện thoại 0816.653.796 để liên hệ với nhà xe B qua số điện thoại 0915.868.559. Kết quả xác minh chủ thuê bao số điện thoại 0816.633.796 là ông Mùa Chồng T4, sinh năm 1966, trú tại bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên; ông T4 khẳng định không sử dụng số điện thoại trên, không rõ lý do tại sao lại đứng tên chủ thuê bao số điện thoại đó. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét, xử lý (BL: 35-42)

Chị Đào Thị Y (vợ Nguyễn Văn D) là người đưa tiền cho Mào Văn Đ; Lò Thị V (bạn gái Đ) là người nhận và chuyển tiền giúp Mào Văn Đ để mua ma túy, kết quả điều tra xác định cả chị Y và chị V đều không biết mục đích của D và Đ; bà Trần Thị M đã sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển tiền giúp Đ; bà Lê Thị T làm dịch vụ chuyển và nhận tiền qua tài khoản ngân hàng nhưng đều không biết mục đích của người chuyển và người nhận tiền nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[9]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47- Bộ luật hình sự; khoản 2, Điều 106- Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) hộp bìa cát tông ký hiệu "QT", đã được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, trong chứa ma túy hoàn lại sau giám định và 01 (một) phong bì ký hiệu "KX" đã được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, trong chứa ma túy hoàn lại sau giám định.

Đây là chất nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) hộp bìa cát tông bên ngoài dán tờ giấy trắng ghi chữ: “EM Đ3 (người gửi) Đ/c: CẦU VƯỢT Q BẮC GIANG SĐT: 0359804070 CHI H4 (Người nhận)” (BL: 207-212) được dùng để chứa ma túy, là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 02 cân tiểu ly không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối 01 USB nhãn hiệu Toshiba và 01 USB nhãn hiệu Kinhston cơ quan điều tra trích sao từ Camera nhà D cần chuyển lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 110203001657 mang tên Mào Văn Đ, 01 (một) căn cước công dân số 011099003670 mang tên Mào Văn Đ là giấy tờ cá nhân của Mào Văn Đ nên trả lại cho Mào Văn Đ.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 121605283 mang tên Nguyễn Văn D; 01 (một) căn cước công dân số 011094008185 mang tên Điều Chính B (BL: 74- 76) là giấy tờ cá nhân của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo.

- Số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thu giữ tại nhà bị cáo Nguyễn Văn D và chị Đào Thị Y không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo D. Quá trình điều tra, chị Y khai đây là số tiền của chị Y nên cần trả lại cho chị Đào Thị Y

- Đối với 01 (một) đầu thu Camera an ninh hiệu A.hua thu giữ tại nhà của bị cáo Nguyễn Văn D là tài sản chung của bị cáo D và chị Đào Thị Y, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho chị Đào Thị Y.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream, số máy: LC150FMC-1-A00073104, số khung: LHDX0GZ0X002014, xe lắp biển kiểm soát: 98D1-446.17, Điều Chính B khai do Nguyễn Văn D giao cho B làm phương tiện đi nhận ma túy, kết quả điều tra không xác định được chủ sở hữu, không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng (BL: 65-73) là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số Imel: 353234101032504 lắp sim 0364876888 thu của Mào Văn Đ sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng đã qua sử dụng, số Imel: 355415072690010, lắp sim số: 0359804070 thu của bị cáo Điều Chính B, sử dụng liên lạc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại Sam Sung màu xanh, số Imel 1: 352469855666310, lắp 02 sim số 0987368109 (mặt sau sim có số 8984048000389655767) và 0856846795 thu giữ khi khám xét nhà D và 01 Điện thoại Iphone niêm phong trong bì thư ký hiệu ĐT thu giữ khi khám xét nhà D không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo D nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[10]. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135- Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, Điều 21; khoản 1, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn D, Mào Văn Đ, Điều Chính B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

[11]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333- Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b Khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 39 - Bộ luật hình sự năm

2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D **tù chung thân** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2022.

Phạt tiền bị cáo 10.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm b Khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Mào Văn Đ **20 năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2022

3. Căn cứ điểm b Khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Điều Chính B **20 năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47- Bộ luật hình sự; khoản 2, Điều 106- Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) hộp bìa cát tông bên ngoài dán tờ giấy trắng ghi chữ: “EM Đ3 (người gửi) Đ/c: CẦU VƯỢT Q BẮC GIANG SĐT: 0359804070 CHỊ H4 (Người nhận)

+ 01 (một) hộp bìa cát tông ký hiệu "QT", đã được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, trong chứa ma túy hoàn lại sau giám định và 01 (một) phong bì ký hiệu "KX" đã được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, trong chứa ma túy hoàn lại sau giám định.

+ 02 cân tiểu ly;

- Trả lại bị cáo Mào Văn Đ 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 110203001657, 01 (một) căn cước công dân số 011099003670.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn D:

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số 121605283;

+ 01 (một) điện thoại Sam Sung màu xanh, số Imel 1: 352469855666310, lắp 02 sim số 0987368109 (mặt sau sim có số 8984048000389655767) và 0856846795 và 01 Điện thoại Iphone niêm phong trong bì thư ký hiệu ĐT thu giữ khi khám xét nhà D nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại bị cáo Điều Chính B 01 (một) căn cước công dân số 011094008185

- Trả lại chị Đào Thị Y 1.000.000 đồng (một triệu đồng); 01 (một) đầu thu Camera an ninh hiệu A.hua

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream, số máy: LC150FMC-1-A00073104, số khung: LHDX0GZ0X002014, xe lắp biển kiểm soát: 98D1-446.17, Điều Chính B khai do Nguyễn Văn D giao cho B làm phương tiện đi nhận ma túy, kết quả điều tra không xác định được chủ sở hữu, không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng (BL: 65-73)

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số Imel: 353234101032504 lắp sim 0364876888

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng đã qua sử dụng, số Imel: 355415072690010, lắp sim số: 0359804070.

- Chuyển lưu hồ sơ vụ án: 01 USB nhãn hiệu Toshiba và 01 USB nhãn hiệu Kinhston

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135- Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, Điều 21; khoản 1, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Mào Văn Đ, Điều Chính B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333- Bộ luật tố tụng hình sự :

- Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- Công an tỉnh Bắc Giang.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang
- Bị cáo.
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Hải Vinh